

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO L
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 12/2025/HSST

Ngày: 22-01-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO L, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **V Thị Thúy Thành**.

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Đỗ Thị Thương Huyền**.
bà **Hồ Thị Hồng Liên**.

Thư ký phiên tòa: ông **Trương Quang V** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: ông **Lê Hữu Việt Phú** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại Hội T Tòa án nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 129/2024/TLST-HS ngày 27/12/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 09/01/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Công N**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26/10/1976 tại Hà Nội; Nơi trường trú và chỗ ở: số 292, đường Trần Phú, tổ 12, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề Nệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Đỗ Lai N, sinh năm 1948 ; Con bà: Đỗ Thị M, sinh năm 1952; Cả hai hiện sinh sống tại tổ 13, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Vợ: Lưu Thị G, sinh năm 1984; hiện trú tại tổ 12, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Con có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 85/2024/HSST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo L xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội đưa hối lộ, hiện bị cáo đang kháng cáo bản án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/08/2024 cho đến nay tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Lưu Thị G**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 28/12/1984 tại Hải Dương; Nơi trường trú và chỗ ở: số 292, đường Trần Phú, tổ 12, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề Nệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông:

Lưu Văn N, sinh năm 1949; Con bà: Đỗ Thị C, sinh năm 1955; Cả hai hiện sinh sống tại Lạc Xuân, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Chồng Đỗ Công N, sinh năm 1976; Con có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/09/2024 cho đến nay tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: **Phí Đình D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18/08/1972 tại Hà Nội; Nơi trường trú và chỗ ở: thôn Phú Dương, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề Nệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 07/10; Con ông: Phí Đình Bình, sinh năm 1930, hiện sinh sống tại xã Minh Khai, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Con bà: Phùng Thị Nụ (đã chết); Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Vợ Xuân Thị Được, sinh năm 1975; hiện trú tại thôn Phú Dương, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Con có 03 người con lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2002.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/08/2024 cho đến nay tại xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Công N và bị cáo Lưu Thị G: Luật sư **Phan Thị Lệ Thủy** thuộc Văn phòng luật sư Phan Lệ Thủy, Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. có mặt

Địa chỉ: Số 54A/18 Nhà Chung, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Phí Đình D: Luật sư **Trương Thị Ngoan** thuộc Công ty Luật TNHH Hải An, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. có mặt

Địa chỉ: Số 69 Nguyễn Thị Định, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

N đơn dân sự: Chi Cục thuế khu vực Bảo Lộc- Bảo L

Địa chỉ: số 100 Hồ Tùng Mậu, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện: ông Nguyễn Xuân Ngọc, chức vụ phó đội trưởng đội thuế. Có mặt

Người có quyền lợi, N vụ liên quan:

1. Anh **Phạm Xuân T**, sinh năm 1983

Địa chỉ: tổ 17, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng

2. Anh **Nguyễn Thiên V**, sinh năm 1983

Địa chỉ: 117/1B Bình Quế, phường 27, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

3. Anh **Lê Quang T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn Khang Bình, xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Khu biệt thự Lucasta Khang Điền, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
4. Chị **Nguyễn Thị Lệ**, sinh năm 1982

Địa chỉ: số 1168/33/41 đường T Sa, phường 13, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

(Người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình vợ chồng Đỗ Công N, Lưu Thị G có 23 thửa đất (từ thửa 163 đến thửa 185) thuộc tờ bản đồ số 87, tọa lạc tại tổ 18, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Vào tháng 01/2022, do có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên N, G rao bán các thửa đất với giá 3.500.000đ/m² và liên hệ với Phạm Xuân T, sinh năm 1983, NKTT: Tổ 18, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng làm môi giới bán đất (phí môi giới 02%).

Đến tháng 4/2022, T giới thiệu cho ông Nguyễn Thiên V, sinh năm 1985, HKTT: chung cư Tân Hương, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và Lê Quang T, sinh năm 1987, HKTT: xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến xem và thống nhất mua 23 thửa đất với giá 3.300.000 đồng/1m² (Bằng chữ: Ba triệu ba trăm ngàn đồng).

Ngày 28/4/2022, Trịnh Minh D, sinh ngày 11/8/1991, NKTT: 173 Nguyễn Hữu Cảnh, Thắng Nhất, Vng Tàu; Lê Quang T, Nguyễn Thiên V (gọi là bên A) lập Hợp đồng đặt cọc mua bán đất với vợ chồng N, G (bên B) tổng cộng 23 thửa đất với trị giá 35.700.000.000 đồng, bên A đặt cọc 09 tỷ đồng (ngày 28/4/2022 đặt cọc 5 tỷ đồng và ngày 20/5/2022 đặt cọc 4 tỷ đồng), thời hạn đặt cọc 45 ngày kể từ ngày 28/4/2022, có sự làm chứng của Phạm Xuân T; bên B ủy quyền cho ông T nộp thủ tục đổi Giấy chứng nhận chuyển quyền sử dụng 23 lô đất cho bên A (chi phí do bên A trả cho ông T); về N vụ thanh toán thuế: bên A thanh toán thuế trước bạ 0,5% giá bán theo hợp đồng công chứng; bên B thanh toán thuế thu nhập cá nhân 02% theo hợp đồng công chứng, thuế đất nông nghiệp, phí công chứng, phí môi giới; Đỗ Công N, Lưu Thị G có trách nhiệm cùng phối hợp thực hiện các thủ tục công chứng.

Sau khi đặt cọc, Lê Quang T, Nguyễn Thiên V ủy quyền cho Công ty TNHH dịch vụ thương mại địa ốc Hoàng Thổ, địa chỉ: số 06, đường D5, KDC Nam Long, phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức để giới thiệu khách nhận chuyển nhượng 23 thửa đất. Đồng thời, T liên hệ với Phí Đình D, sinh năm 1972, NKTT: thôn Phú Dương, xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để giới thiệu

chuyển nhượng 23 thửa đất trên. Sau khi kiểm tra pháp lý, hiện trạng đất D đồng ý nhận chuyển nhượng 10/23 thửa đất với giá 15 tỷ đồng và thông nhất ngày 05/8/2022 ký hợp đồng chuyển nhượng, D sẽ trực tiếp xác định tính pháp lý, ký hợp đồng đặt cọc với N, G.

Đến ngày 05/8/2022, N và G (bên A nhận đặt cọc) lập Hợp đồng đặt cọc (bên B đặt cọc) với Phí Đình D 10 thửa đất số 163, 164, 165, 166, 167, 172, 174, 181, 182, 183 tờ bản đồ 87 thị trấn Lộc Thắng với tổng trị giá chuyển nhượng là 15 tỷ đồng; bên B đặt cọc cho bên A số tiền 1 tỷ, còn lại 14 tỷ thanh toán khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng.

Sau đó, trong ngày 05/8/2022, tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thọ Quang, địa chỉ số 12 Trần Hưng Đạo, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, vợ chồng N, G ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 10 thửa đất số 163, 164, 165, 166, 167, 172, 174, 181, 182, 183 cho Phí Đình D; Tại điều 2 hợp đồng ghi: giá trị chuyển nhượng 5 tỷ đồng; do hai bên thỏa thuận, ngoài sự chứng kiến của công chứng viên (số công chứng 10444, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD).

Sau khi ký kết hợp đồng đến ngày 12/9/2022, Đỗ Công N, Lưu Thị G đã thực hiện xong thủ tục, chuyển nhượng, thay đổi quyền sử dụng 10 thửa đất nói trên cho Phí Đình D.

Tại kết luận giám định số 914/KL-KTHS ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, kết luận: Chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tại Hợp đồng đặt cọc ngày 05/08/2022, tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng bên nhận đặt cọc là ông Đỗ Công N và bà Lưu Thị G, bên đặt cọc là ông Phí Đình D và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 10444, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/08/2022, tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Quang, địa chỉ: số 12, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng bên chuyển nhượng là ông Đỗ Công N, bà Lưu Thị G bên nhận chuyển nhượng ông Phí Đình D là của ông Đỗ Công N, bà Lưu Thị G, ông Phí Đình D, ký, viết và lấn tay.

Tại Kết luận giám định số 3492/CTLDO-TTKT1 ngày 17/7/2024 của Tổ giám định theo CV – Cục thuế tỉnh Lâm Đồng kết luận: Số tiền chênh lệch không kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ là 10 tỷ. Do đó số tiền trốn thuế là: Thuế thu nhập cá nhân mà Đỗ Công N, Lưu Thị G phải nộp đối với số tiền 10 tỷ đồng là 200 triệu đồng; Tiền lệ phí trước bạ Phí Đình D phải nộp đối với số tiền 10 tỷ là 50 triệu đồng; Tổng số thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ là 250 triệu đồng.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không thắc mắc, không khiếu nại hay tranh luận gì.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày: Thống nhất với đại diện VKS về hành vi phạm tội của bị cáo N và G về Điều luật, tội danh, tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng cho bị cáo N, G thêm điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS, do hoàn cảnh

kinh tế khó khăn, nên mỗi bị cáo nộp khắc phục hậu quả được 30.000.000 đồng, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N, đề nghị hình phạt 03 tháng tù để bị cáo có cơ hội sửa đổi, nuôi vợ con, gia đình, bố mẹ già, vợ bệnh, con nhỏ. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị xem xét về khoản tiền phải nộp khắc phục hậu quả do khi ký hợp đồng chuyển nhượng có sự thỏa thuận về đóng thuế giữa các bị cáo N, G, D.

VKS đối đáp: bị cáo N, G không đủ điều kiện áp dụng điểm b khoản 1 điều 51 BLHS theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự nếu không thống nhất có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

Người bào chữa cho bị cáo D trình bày: Thống nhất với đại diện VKS về hành vi phạm tội của bị cáo D về Điều luật, tội danh, tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s cho bị cáo D.

Cáo trạng 07/CT-VKSBL ngày 20/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Đỗ Công N, Lưu Thị G, Phí Đình D về tội “Trốn thuế” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Công N từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị G số tiền 100.000.000 đến 150.000.000 đồng.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phí Đình D số tiền 100.000.000 đến 150.000.000 đồng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lưu Thị G, Phí Đình D

- Về trách nhiệm dân sự: Hiện các bị cáo Đỗ Công N, Lưu Thị G, mỗi bị cáo nộp số tiền 30.000.000 đồng khắc phục hậu quả. Đề nghị HĐXX buộc các bị cáo tiếp tục nộp số tiền còn lại để sung Ngân sách nhà nước. Bị cáo Phí Đình D đã nộp số tiền 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án: 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 5/8/2022 giữa bên nhận cọc Đỗ Công N, Lưu Thị G và bên đặt cọc là Đỗ Công N (bản chính); 01 Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 5/8/2022 bên chuyển nhượng Đỗ Công N, Lưu Thị G nhận chuyển nhượng Phí Đình D (bản chính).

- Về án phí: đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo nhận ra hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[01] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Bảo L, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[02] Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo khác tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định: Nhằm mục đích giảm số tiền phải nộp thuế, vào ngày 05/8/2024, Phí Đình D và Đỗ Công N, Lưu Thị G cùng thống nhất mua bán, chuyển nhượng 10 thửa đất số 163, 164, 165, 166, 167, 172, 174, 181, 182, 183 tại tờ bản đồ 87, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng với tổng trị giá chuyển nhượng thực tế mà D đã trả cho N, G là 15 tỷ đồng. Tuy nhiên, khi ký kết hợp đồng tại Văn phòng Công chứng Thọ Quang, địa chỉ số 12, đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, Phí Đình D và Đỗ Công N, Lưu Thị G ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 10 thửa đất số 163, 164, 165, 166, 167, 172, 174, 181, 182, 183 với giá trị chuyển nhượng ghi trên hợp đồng là 05 tỷ đồng.

Tại Kết luận giám định số 3492/CTLDO-TTKT1 ngày 17/7/2024 của Tổ giám định theo CV – Cục thuế tỉnh Lâm Đồng kết luận: Số tiền chênh lệch không kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ là 10 tỷ. Do đó số tiền trốn thuế là: Thuế thu nhập cá nhân mà Đỗ Công N, Lưu Thị G phải nộp đối với số tiền 10 tỷ đồng là 200 triệu đồng; Tiền lệ phí trước bạ Phí Đình D phải nộp đối với số tiền 10 tỷ là 50 triệu đồng; Tổng số thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ là 250 triệu đồng.

Do vậy hành vi của các bị cáo Đỗ Công N, Lưu Thị G, Phí Đình D có đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

[03] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế, đường lối phát triển kinh tế, làm giảm thu ngân sách nhà nước, gây mất trật tự xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân do đó cần phải xử lý Nêm để giáo dục, cải tạo các bị cáo và góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[04] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo N có bố được tặng huân chương chiến sĩ giải phóng, huân chương kháng chiến hạng 3, bị cáo có nhiều đóng góp được Thành đoàn Bảo Lộc, Ủy ban nhân dân huyện Bảo L tặng giấy khen, bị cáo G và bị cáo D phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít Nêm trọng, bị cáo G có bố đẻ là thương

bình loại A, được tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất, bị cáo D nộp khắc phục toàn bộ hậu quả do đó cần áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo N, áp dụng điểm i, s khoản 1 khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo G, áp dụng điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo D. Bị cáo N, G mỗi bị cáo phải nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nhưng bị cáo N, G mới nộp mỗi bị cáo được số tiền 30.000.000 đồng chưa tương xứng với số tiền phải nộp khắc phục hậu quả nên HĐXX không xem xét áp dụng điểm b khoản 1 điều 51 BLHS cho hai bị cáo.

[05] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[06] Vụ án có đồng phạm, tuy nhiên chỉ là đồng phạm giản đơn: Bị cáo N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song với động cơ mục đích trốn tránh N vụ nộp thuế với nhà nước, bị cáo đã bất chấp pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm trực tiếp đến hoạt động đúng đắn, bình thường của Nhà nước về lĩnh vực thuế, bị cáo có nhân thân xấu: Tại bản án số 85/2024/HSST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo L xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội đưa hối lộ. Do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm này.

Bị cáo G, bị cáo D nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và sẽ bị xử lý Nêm nhưng vẫn cố tình vi phạm, do vậy cần phải xử lý bị cáo tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên bị cáo G, bị cáo D phạm tội thuộc T hợp ít Nêm trọng có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại không vi phạm pháp luật, do đó không cần thiết xử phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[07] Xét đề nghị của viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo L thấy rằng: Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với nhân thân và tính chất mức độ của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, tuy nhiên hình phạt của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo G, D còn chưa Nêm khắc.

[08] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N, đối với bị cáo G, D áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo G, D.

[09] Về các biện pháp tư pháp: số tiền trốn thuế: Thuế thu nhập cá nhân mà Đỗ Công N, Lưu Thị G phải nộp đối với số tiền 10 tỷ đồng là 200 triệu đồng; Tiền lệ phí trước bạ Phí Đỉnh D phải nộp đối với số tiền 10 tỷ là 50 triệu đồng. Hiện bị cáo D đã nộp số tiền 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả, các bị cáo Đỗ Công N, Lưu Thị G, mỗi bị cáo nộp số tiền 30.000.000 đồng khắc phục hậu quả, cần buộc bị cáo

N, G liên đới tiếp tục nộp số tiền còn lại, cụ thể bị cáo N số tiền 70.000.000 đồng, bị cáo G 70.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

[10] Về xử lý vật chứng: Cần lưu theo hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 5/8/2022 giữa bên nhận cọc Đỗ Công N, Lưu Thị G và bên đặt cọc là Đỗ Công N (bản chính); 01 Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 5/8/2022 bên chuyển nhượng Đỗ Công N, Lưu Thị G nhận chuyển nhượng Phí Đình D (bản chính).

[11] Các vấn đề khác: Đối với Lê Quang T thông qua quen biết có thỏa thuận chuyển nhượng 10 thửa đất với Phí Đình D lần lượt thửa 163, 164, 165, 166, 167, 172, 174, 181, 182, 183 tờ bản đồ 87, thống nhất giá bán 10 thửa đất trên với Phí Đình D là 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), bên bán sẽ chịu trách nhiệm đóng thuế, phí và lệ phí, nhưng Lê Quang T không biết việc Đỗ Công N, Lưu Thị G và Phí Đình D thỏa thuận để trốn thuế nêu trên nên không đồng phạm trong vụ án.

Đối với Nguyễn Thiên V là người được Lê Quang T yêu cầu dẫn Phí Đình D đi xem đất, V không biết việc N, G và D thỏa thuận để trốn thuế và cũng không được hưởng lợi từ số tiền đã trốn thuế, do đó không đồng phạm trong vụ án.

Đối với Phạm Xuân T là người môi giới đối với hồ sơ công chứng số 10444, quyền số 01/2022/CC-SCC/HĐGD giữa Phí Đình D, Đỗ Công N, Lưu Thị G nhưng không biết nội dung N, G và D thỏa thuận để trốn thuế và cũng không được hưởng lợi từ số tiền đã trốn thuế, do đó không đồng phạm trong vụ án.

Đối với bà Hoàng Thị Hiếu và Phạm Thị Ngọc Nhi là công chứng viên của Văn phòng công chứng Nguyễn Thọ Quang, đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 163, 164, 165, 166, 167, 172, 174, 181, 182, 183 tờ bản đồ 87, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L, do đó không đồng phạm trong vụ án.

Đối với Chi cục thuế khu vực Bảo Lộc- Bảo L, đã xác định N vụ thuế và lệ phí đất đối với hồ sơ chuyển nhượng đối với thửa đất 163, 164, 165, 166, 167, 172, 174, 181, 182, 183 tờ bản đồ 87, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo L đúng trình tự, thời gian theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị Lệ ký Hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 169, tờ bản đồ 87, thị trấn Lộc Thắng, Bảo L với Đỗ Công N và Lưu Thị G. Chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Trốn thuế. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có công văn và chuyển hồ sơ đến Chi cục thuế khu vực Bảo Lộc Bảo L để xử lý theo thẩm quyền, do vậy HĐXX không xem xét.

[12] Về án phí, lệ phí Tòa án: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án cần buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Công N, Lưu Thị G, Phí Đình D phạm tội “Trốn thuế”.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Công N 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị G số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự; điểm b,i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phí Đình D số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng

2. Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Buộc bị cáo Đỗ Công N nộp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bị cáo đã nộp được số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp số tiền 70.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước, buộc bị cáo Lưu Thị G nộp số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, bị cáo đã nộp được số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp số tiền 70.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước.

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000 đồng bị cáo D đã nộp.

(Bị cáo N nộp số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo G nộp số tiền 30.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 14/01/2025, bị cáo D nộp số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nộp tiền ngày 30/12/2024 tại tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo L).

Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 5/8/2022 giữa bên nhận cọc Đỗ Công N, Lưu Thị G và bên đặt cọc là Đỗ Công N (bản chính); 01 Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 5/8/2022 bên chuyển nhượng Đỗ Công N, Lưu Thị G nhận chuyển nhượng Phí Đình D (bản chính).

3. Về án phí, lệ phí Tòa án: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Công N, Lưu Thị G, Phí Đình D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, N đơn dân sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 22/01/2025 để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

(Người có quyền lợi, N vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan).

“T hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, N đơn dân sự;
- Người liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

V Thị Thúy Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, N đơn dân sự;
- Người liên quan
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

V Thị Thúy Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thương Huyền- Hồ Thị Hồng Liên V Thị Thúy Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo L;
- Chi cục THADS H Bảo L;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

V Thị Thúy Thành

